TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

2. Bà Lê Thị Phằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 3281/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số nhà A T, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1961; HKTT: 112 T, phường B, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Vườn mai thuộc tổ dân phố L, phường B, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày: Bà và ông Hoàng Văn Đ1 tìm hiểu nhau một thời gian thì đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2005 tại UBND phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ). Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Cách đây một năm hai vợ chồng mâu thuẫn nên bà về nhà mẹ ruột ở Q sinh sống còn ông Đ1 ở tại A T, phường B, tỉnh Gia Lai nhưng ông Đ1 thường xuyên đến nơi bà buôn bán hăm doạ, chửi bới. Nay bà thấy

vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với ông Đ1 nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ1.

Về con chung: Bà và ông Đ1 không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn ông Hoàng Văn Đ1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Toà án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Đ được ly hôn với ông Đ1; Về con chung, nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn Đ1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hoàng Văn Đ1 đang cư trú tại tổ dân phố L, phường B, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Hoàng Văn Đ1 vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông Đ1.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Hoàng Văn Đ1 cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên ông Hoàng Văn Đ1 không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của bà Huỳnh Thị Đ cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và biên bản xác minh do Toà án thu thập để giải

quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Đ và ông Hoàng Văn Đ1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (cũ) nên hôn nhân giữa bà Đ, ông Đ1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Đ1 vì ông bà không còn tình cảm. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên bà Đ nộp đơn ly hôn, ông Đ1 không đến Toà cũng không đưa ra ý kiến, giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng còn bà Đ kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không có bất kỳ giải pháp nào kết nối. Như vậy, hôn nhân giữa bà Đ và ông Đ1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ, bà Đ được ly hôn với ông Hoàng Văn Đ1.

[5] Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông Đ1 không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Đ đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn.

[8] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đ được ly hôn với ông Đ1; Về con chung, nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Đ ly hôn ông Hoàng Văn Đ1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Đ được miễn án phí ly hôn.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Quy Nhơn (Phường Hải Cảng: Số 158/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu